

BỘ GIAO THÔNG VẬN
TẢI
Số: 21/2018/TT-BGTVT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 27 tháng 4 năm 2018

THÔNG TƯ

Quy định về đăng ký phương tiện giao thông đường sắt, di chuyển phương tiện giao thông đường sắt trong trường hợp đặc biệt

Căn cứ Luật Đường sắt số 06/2017/QH14 ngày 16 tháng 6 năm 2017;
Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;
Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Vận tải và Cục trưởng Cục Đường sắt Việt Nam;
Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư quy định về đăng ký phương tiện giao thông đường sắt, di chuyển phương tiện giao thông đường sắt trong trường hợp đặc biệt.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về cấp, cấp lại, thu hồi, xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông đường sắt (sau đây gọi là Giấy chứng nhận đăng ký) hoạt động trên đường sắt quốc gia, đường sắt chuyên dùng, đường sắt đô thị và việc di chuyển phương tiện giao thông đường sắt (sau đây gọi là phương tiện) trong trường hợp đặc biệt.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc cấp, cấp lại, thu hồi, xóa Giấy chứng nhận đăng ký và di chuyển phương tiện trong trường hợp đặc

biệt.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Phương tiện chuyên dùng di chuyển trên đường sắt* là phương tiện dùng để vận chuyển người, vật tư, thiết bị phục vụ cứu viện, cứu hộ tai nạn giao thông đường sắt; kiểm tra thi công, bảo trì, sửa chữa công trình đường sắt; phục vụ an ninh, quốc phòng.
2. *Thay đổi tính năng sử dụng hoặc thay đổi các thông số kỹ thuật chủ yếu của phương tiện giao thông đường sắt* là việc thay đổi động cơ khác kiểu loại, thay đổi công suất động cơ, thay đổi kiểu truyền động, thay đổi khổ đường đối với đầu máy; thay đổi tính năng sử dụng, thay đổi tải trọng, thay đổi khổ đường đối với toa xe; thay đổi tính năng sử dụng, thay đổi khổ đường đối với phương tiện chuyên dùng; thay đổi kiểu loại, công suất động cơ, kiểu truyền động đối với toa xe động lực đường sắt đô thị.

Chương II

ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN

Mục 1

QUY ĐỊNH VỀ CẤP, CẤP LẠI, THU HỒI, XÓA

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ

Điều 4. Quy định chung

1. Cấp Giấy chứng nhận đăng ký là việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký cho những phương tiện được nhập khẩu, sản xuất, lắp ráp trong nước trước khi đưa ra khai thác, vận dụng trên đường sắt theo đề nghị của chủ sở hữu.

2. Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký là việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký mới thay cho Giấy chứng nhận đăng ký cũ cho phương tiện theo đề nghị của chủ sở hữu trong các trường hợp sau đây: Các trường hợp quy

định tại khoản 2, khoản 3 Điều 31 Luật Đường sắt; trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký bị mất, bị hư hỏng.

3. Thu hồi, xóa Giấy chứng nhận đăng ký là việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi, xóa bỏ Giấy chứng nhận đăng ký trong các trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 31 Luật Đường sắt.

4. Giấy chứng nhận đăng ký là Giấy do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp cho chủ sở hữu phương tiện theo mẫu quy định tại Phụ lục 5 của Thông tư này. Trường hợp cấp lại trên Giấy chứng nhận đăng ký được đóng thêm dấu "Cấp lại lần 1, Cấp lại lần 2....".

Điều 5. Hồ sơ cấp Giấy chứng nhận đăng ký

1. Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký của chủ sở hữu phương tiện theo mẫu quy định tại Phụ lục 1 của Thông tư này.

2. Các giấy tờ phương tiện bao gồm:

a) Chứng từ chứng minh đã nộp lệ phí trước bạ (nếu có);

b) Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu các giấy tờ của phương tiện như sau: Hợp đồng mua bán, cho, tặng; quyết định điều chuyển phương tiện theo quy định của pháp luật. Đối với giấy tờ của phương tiện bằng tiếng nước ngoài thì phải nộp kèm theo bản dịch tiếng Việt đã được công chứng dịch thuật; hóa đơn bán hàng của tổ chức phát hành hóa đơn bán hàng nếu phương tiện bán ra đã chuyển qua nhiều tổ chức, cá nhân thì khi làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký chỉ cần bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu hóa đơn bán hàng của tổ chức, cá nhân bán cuối cùng; Giấy chứng nhận chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện do tổ chức đăng kiểm Việt Nam hoặc tổ chức đăng kiểm nước ngoài được Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ủy quyền cấp còn hiệu lực.

3. Trường hợp trong cùng một hợp đồng mua bán, cho, tặng phương tiện, hóa đơn bán hàng, tờ khai hải quan của hồ sơ có kê khai nhiều phương tiện thì chủ sở hữu phương tiện có trách nhiệm cung cấp bảng kê khai cho từng phương tiện đề nghị

được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoặc hồ sơ đối với từng phương tiện theo quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Đối với phương tiện nhập khẩu ngoài các giấy tờ theo quy định tại khoản 2 Điều này thì cần phải có thêm bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu của tờ khai hải quan dùng cho phương tiện nhập khẩu hoặc tờ khai hải quan điện tử đã được thông quan.

5. Đối với phương tiện giao thông đường sắt đô thị, trường hợp phương tiện không có hợp đồng mua bán, hóa đơn riêng (do việc mua bán các phương tiện đó chỉ là hợp phần của gói thầu và không thể tách rời) thì chủ sở hữu phải có bản cam kết xác nhận các phương tiện đó thuộc quyền sở hữu và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có các tranh chấp sở hữu phát sinh.

Điều 6. Hồ sơ cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký

1. Hồ sơ cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký trong trường hợp chuyển quyền sở hữu:

a) Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký của chủ sở hữu phương tiện theo mẫu quy định tại Phụ lục 2 của Thông tư này;

b) Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký;

c) Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu của Giấy chứng nhận chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường còn hiệu lực;

d) Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu tương ứng với từng trường hợp cụ thể bao gồm: Hợp đồng cho, tặng, mua bán, hóa đơn mua bán phương tiện; quyết định điều chuyển phương tiện;

đ) Chứng từ chứng minh đã nộp lệ phí trước bạ (nếu có).

2. Hồ sơ cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký trong trường hợp phương tiện thay đổi tính năng sử dụng hoặc thay đổi các thông số kỹ thuật chủ yếu:

a) Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký của chủ sở hữu phương tiện theo mẫu quy định tại Phụ lục 2 của Thông tư này;

b) Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký trước khi phương tiện thay đổi tính năng sử dụng hoặc thay đổi các thông số kỹ thuật chủ yếu;

c) Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu của Giấy chứng nhận chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường còn hiệu lực.

3. Hồ sơ cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký trong trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký bị hư hỏng:

a) Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký của chủ sở hữu phương tiện theo mẫu quy định tại Phụ lục 3 của Thông tư này;

b) Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký bị hư hỏng.

4. Hồ sơ cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký trong trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký bị mất: Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký theo mẫu đơn quy định tại Phụ lục 3 của Thông tư này.

Điều 7. Hồ sơ đề nghị thu hồi, xóa Giấy chứng nhận đăng ký

1. Đơn đề nghị thu hồi, xóa Giấy chứng nhận đăng ký theo mẫu quy định tại Phụ lục 4 của Thông tư này.

2. Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký.

Điều 8. Trình tự, thời gian thực hiện thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi, xóa Giấy chứng nhận đăng ký

1. Chủ sở hữu phương tiện nộp 01 bộ hồ sơ làm thủ tục đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoặc cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoặc hồ sơ đề nghị thu hồi, xóa Giấy chứng nhận đăng ký gửi trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính đến Cục Đường sắt Việt Nam.

2. Cục Đường sắt Việt Nam tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, kể từ khi nhận được hồ sơ, Cục Đường sắt Việt Nam hướng dẫn chủ sở hữu phương tiện hoàn thiện hồ sơ trong vòng 01 ngày làm việc (nếu hồ sơ nộp trực tiếp) hoặc thông báo bằng văn bản cho chủ sở hữu phương tiện biết để bổ sung hồ sơ trong vòng 02 ngày làm việc (nếu tiếp nhận hồ sơ qua đường bưu chính).

3. Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ và đúng quy định tại Thông tư này, Cục Đường sắt Việt Nam có trách nhiệm cấp Giấy